|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Ngày soạn***  26/02/2024 | ***Tiết PPCT*** | ***Lớp*** | ***Ngày dạy*** | ***Tiết*** |
| 97 | 7D | 04/03/2024 | 4 |
| 98 | 04/03/2024 | 5 |

**NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**BÀI 8- TIẾT 97,98 : Đọc – hiểu văn bản**

**TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**– *Hồ Chí Minh* –**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

+ Văn nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống.

+ Để khẳng định lòng yêu nước của nhân dân ta là một truyền thống lâu đời, quí báu của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triển khai nội dung bằng các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể từ các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trước đây đến cuộc chiến chống thực dân Pháp với những biểu hiện yêu nước ở mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân, mọi vùng miền … Những lí lẽ và dẫn chứng xác đáng ấy đã thuyết phục người đọc, người nghe một cách thấm thía và sâu sắc.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

***\* Năng lực đặc thù***

- Xác định được vấn đề nghị luận trong văn bản: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”[4].

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”

- Nhận biết được cách trình bày luận điểm luận cứ[6].

- Viết được đoạn văn nghị luận xã hội sau khi đã học xong văn bản

***2. Về phẩm chất:***

*-* Bồi đắp tình yêu và niềm tự hào với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân vật và sự kiện trong lịch sử Việt Nam.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**HS** quan sát hình ảnh sau đó nêu đáp án, sau đó GV kết nối với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Lắng nghe và trả lời các câu đố liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử. Sau đó, sắp xếp và điền tên của các nhân vật theo trật tự thời gian lịch sử vào ô trống

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Khi GV đưa hình ảnh lên màn chiếu, HS suy nghĩ trong 5 giây. HS nào có đáp án nhanh nhất sẽ được quyền trả lời.

- Nếu trả lời sai, thì mất lượt và HS khác được quyền trả lời thay thế.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

**GV**: Như vậy các em vừa được chơi một trò chơi tìm hiểu về lịch sử rất bổ ích. *Các em biết là lịch sử của VN ta gắn liền với các cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Xuyên suốt chiều dài lịch sử từ thế kì X đến đầu thế kỉ XX, chúng ta đã trải qua vô vàn những khó khăn và gian khổ. Vì sao một đất nước đất không rộng, người không đông như đất nước ta mà luôn luôn chiến thắng tất cả bọn xâm lược, dù chúng mạnh đến đâu và từ đâu tới?*

*Có thể nói, trong suốt hành trình đó thì điều quan trọng nhất làm nên chiến thắng của cách mạng VN đó chính là tinh thần yêu nước. Tinh thần ấy đến từ những anh hùng dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi hay Quang Trung nói riêng* (vừa nói vừa chiếu ảnh 5 vị) *và của toàn dân tộc VN nói chung. Và tinh thần yêu nước, cái lòng tự tôn dân tộc ấy đã được HCM khẳng định trong Văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II mà người đọc tại Hội nghị. Nội dung của văn kiện đó cũng chính là nội dung văn bản mà chúng ta học ngày hôm nay. Cụ thế như thế nào, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu nhé!*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I/ Đọc , tìm hiểu chung văn bản** | | | |
| **Mục tiêu**: Học sinh nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**:  **GV** : phương pháp học tập dự án  **HS** dựa vào tài liệu sách giáo khoa và hiểu biết cá nhân học sinh làm việc  **Sản phảm:** phiếu học tập, câu trả lời của hs | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **1/ Đọc**  **\* Chuyển Giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn học sinh đọc**  **\* Thực hiện và báo cáo**  **GV đọc mẫu, học sinh đọc, nêu nội dung đọc**  **3/ Nhận xét**  **GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm hs đọc**  **2/ Tìm hiểu chung**  **2: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS hoàn thiện phiếu học tập theo nhóm  **Nhóm 1: Phiếu học tập số 1**  Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả  **Nhóm 2:**  ? Hãy nêu xuất xứ văn bản.  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn em hãy cho biết văn bản thuộc kiểu văn bản gì? Vì sao? Hãy nêu vấn đề mà người viết bàn luận trong văn bản.  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của cá nhận, cùng nhau chia sẻ, trao đổi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu một vài chs trong 2 nhóm báo cáo  - HS trong từng nhóm theo dõi sản phẩm của bạn, đỗi chiếu sản phảm của mình, bổ sung, nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của học sinh.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  *Là người Việt Nam không ai là không biết chủ tịch Hồ Chí Minh- vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Cả cuộc đời Người vì nước, vì dân. Không những thế, Người còn là nhà thơ, nhà văn lớn. Người đã để lại cho đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ. Sau này nế có điều kiện các con hay tìm đọc những tác phẩm này.*    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu một vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | | | **I/ Đọc, tìm hiểu chung**  **1/ Đọc**  **2/ Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Hồ Chí Minh ( 1890 - 1969)  - Quê ở Nam Đàn - Nghệ An  - Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.  - Là một nhà văn, nhà thơ lớn, một danh nhân văn hóa thế giới  **b. Tìm hiểu chung**  **- Tác giả- Tác phẩm**  **\* Xuất xứ:**  Văn bản được trích trong Báo Cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  **\* Kiểu văn bản:** Nghị luận  **\* Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần.    **c. Những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận xã hội**  **- Khái niệm:** Văn nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống.  **- Đặc điểm của văn nghị luận xã hội:**  - Luận điểm: Quan điểm, tư tưởng của người viết.  - Luận cứ: Dẫn chứng và lí lẽ  - Lập luận: Cách dẫn dắt, trình bày … luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm.  **- Liên kết và mạch lạc trong văn bản:**  - Liên kết là thể hiện mối quan hệ nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp.  - Mạch lạc là sự thống nhất về chủ đề và tính logic của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các câu, các đoạn, các phần của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. |
| **II/ Tìm hiểu chi tiết văn bản** | | | |
| **Mục tiêu**: **Tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của văn bản và thái độ tình cảm của tác giả**  **Nội dung**: **HS** dựa vào tài cá liệu sách giáo khoa và hiểu biết nhân học sinh làm việc cá nhân và theo phương pháp học tập dự án  **Sản phảm:** phiếu học tập, câu trả lời của hs  **Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Sản phẩm cần đạt** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Tìm luận đề , vai trò của luận đề và các luận điểm của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Học sinh thực hiện trong nhóm bàn  **B3: Báo cáo**  Học sinh báo cáo kết quả  GV lắng nghe, gợi ý  **B4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét câu trả lời và chốt  - Chuyển dẫn sang nội dung sau.  Chốt hết tiết 1  GV hướng dân hs thực hiện kĩ thuật các mảnh ghép  **Vòng 1:Vòng chuyên gia**  GV giao nhiệm vụ về nhà 4 nhóm/ mỗi nhóm 11 hs  Nhóm 1: Luận điểm 1  Nhóm 2: Luận điểm 2:  Nhóm 3: Luận điểm 3  Nhóm 4:Luận điểm 4:  ? Tìm lí lẽ và bằng chứng trong từng luận điểm, các nghệ thuật đặc sắc | ***II/ Tìm hiểu văn bản***  ***1/ Luận đề***  ***“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”***  -> Nêu rõ vẫn đề sẽ bàn luận trong văn bản.  ***2/ Luận điểm***  - Luận điểm 1: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta và sức mạnh vô song của tinh thần ấy  - Luận điểm 2: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta biểu hiện qua lịch sử đấu tranh giữ nước xưa  - Luận điểm 3: Tinh thàn yêu nước của nhân dân ta biểu hiện qua cuộc kháng chiến chống Pháp hiện tại  - Luận điểm 4: Khẳng định lại sự quý báu của truyền thống yêu nước và kêu gọi phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc | | |
| **Tiết 2:**  **B1: Chuyển giao**  Vòng 2: Các mảnh ghép  - HS mang số thứ tự 1,5 -> nhóm 1  - HS mang số thứ tự 2,6-> nhóm 2  - HS mang số thứ tự 3,7-> nhóm 3  - HS mang số thứ tự 4,8-> nhóm 4  B2: Thực hiện Nhiệm vụ:  + Chia sẻ lại cho các thành viên trong nhóm mới nội dung đã nắm bắt ở nhóm chuyên gia  + Thảo luận để phân tích mối liên hệ giữa vai trò lí lẽ, bằng chứng với luận điểm, luận đề  -> Đại diện 4 nhóm lên nhận luận điểm từ giáo viên  - Thời gian: 8 phút  **B3:Báo cáo**  **Đ**ại diện 4 nhóm lên báo cáo  GV hướng dẫn hs lắng nghe, phản biện,đặt câu hỏi phụ  **B4: Nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức**  **-** GV lắng nghe các nhóm báo cáo, nhận xét các nhóm chốt lại kiến thức  - Dự kiến sản phẩm  **GV chiếu lên máy nội dung chốt từng luận điểm**  **B1: Chuyển giao**  **- Dự kiến câu hỏi phụ cho học sinh:**  ? Sự khác biệt giữa cách đưa dẫn chứng của Bác trong luạn điểm 2,3?  ? GV đưa lại 3 câu đầu của đoạn 4:Em hiểu gì về nội dung, ý nghĩa 3 câu đầu?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS Độc lập suy nghĩ trả lời  Kĩ thuật : tia chớp  **B3: Báo cáo**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  ***GV liên hệ , mở rộng với các văn bản: Hịch tướng sĩ,, Sông núi nước Nam***  ***Nhấn mạnh lại mối quan hệ giữa các lí lẽ, bằng chứng với luận điểm, luạn đề***  **4/ Tình cảm, thái độ của tác giả**  **B1: Chuyển giao**  ? Hãy cho biết thái độ của Bác trong văn bản?  **B2: Thực hiện**  - Học sinh thảo luận tự do  - GV quan sát, tư vấn  **B3: Báo cáo**  Học sinh trả lời nhanh  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV nhận xét, chốt kiesn thức, bình luận, mở rộng | ***3/ Mối quan hệ giữa các luận điểm với luận đề***  ***a. Luận điểm 1:***- Câu chủ đề: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”  ***-*** Lí lẽ : Nhân dân ta................. cướp nước  -> Lí lẽ giấu sức thuyết phục, gợi cảm  - Nghệ thuật:  + So sánh: Tinh thần yêu nước - làn sóng vô cùng mạnh mẽ.  + Liệt kê: mạnh mẽ, to lớn, nguy hiểm, khó khăn, bán nước, cướp nước.  + Các động từ mạnh: Kết thành, lướt qua, nhấn chìm.  + Các tính từ: Sôi nổi, mạnh mẽ, to lớn, nguy hiểm, khó khăn.  + Điệp cấu trúc: “nó kết thành”, “nó lướt qua”, “nó nhấn chìm”  - Tác dụng:  Ngợi ca và khẳng định sức mạnh vô cùng mạnh mẽ và quật khởi của nhân dân mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.  **b. Luận điểm 2:**Tinh thần yêu nước của nhân dân ta biểu hiện qua lịch sử đấu tranh giữ nước xưa  - Lí lẽ: Lịch sử.......vẻ vang  - Dẫn chứng: Thời đại Bà Trưng.... Quang Trung  - LÍ lẽ: Chúng ta... anh hùng  - Các lí lẽ, dãn chứng kết hợp khéo léo, xắp xép các bằng chứng theo trình tự thời gian  - Nghệ thuật: liệt kế, phép lặp” chúng ta”, “dân tộc anh hùng”  **c/ Luận điểm 3:**Tinh thàn yêu nước của nhân dân ta biểu hiện qua cuộc kháng chiến chống Pháp hiện tại  - Lí lẽ: Đồng bào ta.... trước.; Những cử chỉ..... yêu nước  - Dẫn chứng: còn lại  - Các lí lẽ kết hợp bằng chứng toàn diện, bao quát được liệt kê theo trình tự  -> Khảng định cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện  **d/ Luận điểm** 4:Khẳng định lại sự quý báu của truyền thống yêu nước và kêu gọi phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc  - Lí lẽ: Cả đoạn  -> lí lẽ sâu sắc tòan diện giầu sức thuyết phục  - Dùng nghệ thuạt: So sánh, liệt kê  -> Kêu gọi hành động yêu nước  => Các lí lẽ, bằng chứng góp phần làm sáng tỏ luận điểm, làm sáng tỏ luận đè; có mối quan hệ chặt chẽ  **4/ Tình cảm, thái độ của tác giả** | | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **Mục tiêu**: Tổng hợp khái quát những nghệ thuật, nội dung của văn bản  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh  **Tổ chức hoạt động** | | | |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Sản phẩm cần đạt** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một văn bản nghị luân? | | **III/ Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Phương pháp lập luận chặt chẽ, thuyết phục  - Nêu dẫn chứng toàn diện  - Những câu văn giàu hình ảnh, biểu cảm  **2. Nội dung**  Bài văn đã làm sáng tỏ chân lí: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước" | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:**  Câu 1: B; Câu 2: B; Câu 3: A; Câu 4: A; 5D; 6D

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Câu 1: Bài văn tinh thần yêu nước của nhân dân ta được viết trong thời kỳ nào?**

A. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp

C. Thời kỳ đất nước ta xây dựng CNXH ở miền Bắc

D. Những năm đầu thế kỷ XX

**Câu 2: Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra vào thời gian nào?**

1. 1930 – 1945 B. 1946 – 1954 C. 1954 – 1975

**Câu 3: Tính "truyền thống" của lòng yêu nước được làm rõ trong văn bản bởi yếu tố nào?**

A - Chứng minh theo thời gian xưa - nay

B - Chứng minh bằng những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước

C - Giải thích bằng lí lẽ

**Câu 4: Đoạn văn từ *Đồng bào ta ngày nay* đến *lòng nồng nàn yêu nước* đã trình bày dẫn chứng bằng biện pháp nghệ thuật nào là chính?**

A - Liệt kê B - Nhân hoá C - Điệp ngữ D - Hoán dụ

**Câu 5: Dòng nào phản ánh đúng nhất về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta?***

*A -* Bố cục chặt chẽ, lập luận rành mạch

B - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện,

C - Giọng văn giàu xức cảm

D - Văn bản nghị luận mẫu mực

**Câu 6: Văn bản *Tinh thần yêu nước của hhân dân ta* có sức thuyết phục, làm người đọc xúc động bởi vì sao?**

A - Thực tế lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam được nói đến trong văn bản

B - Do cách trình bày của tác giả

C - Bản thân Bác đã là tấm gương sáng của lòng yêu nước

D - Cả ba ý trên

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Viết một đoạn văn nghị luận về lòng yêu nước của nhân dân ta trong phòng chống đại dich covid.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS khái niệm lòng yêu nước, biểu hiện và vai trò của lòng yêu nước của nhân dân ta trong phòng chống đại dịch covid.

**HS** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm vào tiết học sau.

**HS** nộp sản phẩm cho GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Đức tính giản dị của Bác Hồ”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Ngày soạn***  26/02/2024 | ***Tiết PPCT*** | ***Lớp*** | ***Ngày dạy*** | ***Tiết*** |
| 99 | 7D | 9/3/3024 | 1 |
| 100 | 9/3/2024 | 2 |

**BÀI 8: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**TIẾT 99-100: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

***Phạm Văn Đồng***

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội:

- Đánh giá và phân tích được đức tính giản dị của Bác Hồ được biểu hiện trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày.

- Hiểu được cách nêu dẫn chứng và bình luận, nhận xét; giọng văn sôi nổi nhiệt tình của tác giả.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác

**\* Năng lực đặc thù:** năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

**3. Về phẩm chất:**

+ *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, yêu quý trân trọng văn hóa của dân tộc, sống giản dị hòa hợp với mọi người.

+ *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào thực tế đời sống của bản thân. Biết yêu quý và học tập theo Bác, biết sống giản dị phù hợp với lứa tuổi với hoàn cảnh gia đình và xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân vật và sự kiện trong lịch sử Việt Nam.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế vui vẻ để học sinh bước vào giờ học

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về đức tính giản dị của Bác Hỗ

**c. Sản phẩm:** Chi sẻcủa học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức học sinh xem clip.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS xem clip về đức tính giản dị của Bác.

Video cho em hiểu thêm gì về Bác Hồ.

Sau khi xem xong clip trên, em có cảm xúc gì về Bác!

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**:

HS chia sẻ suy nghĩ về câu chuyện đôi đép cao su của Bác.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới

*Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta vô cùng tự hào, khâm phục, biết ơn Người. Vẻ đẹp trong lối sống của Người chính là sự giản dị và thanh cao. Viết về Người, nhà cách mạng nổi tiếng, người học trò xuất sắc của Bác, Phạm Văn Đồng đã có những nhận định vô cùng sâu sắc. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về vẻ đẹp giản dị của Bác Hồ dưới góc nhìn của nhà cách mạng Phạm Văn Đồng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

Học sinh nắm được những nét chính về tác giả.

- Học sinh nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về đức tính giản dị của Bác Hồ. Từ đó nhận biết được mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong bài văn nghị luận.

**b. Nội dung.**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.

- HS suy trả lời câu hỏi, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

- Tổ chức học sinh tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng theo bố cục các phần của văn bản.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Trả lời** |
| *(1) Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng.* | |
| *(2) Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ trên cơ sở các phương diện* | |
| *Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời* |  |
| *Phương thức biểu đạt và kiểu văn bản.* |  |
| *Nội dung chính của văn bản.* |  |
| *Chỉ ra trình tự triển khai nội dung của tác giả? Từ đó nêu lên bố cục của văn bản?* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THÀY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv yêu cầu HS đề xuất cách đọc văn bản**  - GV chiếu phiếu học tập 1, yêu cầu HS báo cáo cá nhân nội dung phiếu học tập.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh căn cứ nội dung đã chuẩn bị mạnh dạn, xung phong trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trả lời cá nhân theo kĩ thuật công đoạn:  + HS1: Chia sẻ thông tin về tác giả  + HS2: Chia sẻ thông tin về tác phẩm.  + Học sinh dưới lớp theo dõi, bổ sung cho bạn  + Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  ***- GV chiếu trên máy*** dự kiến trả lời phiếu học tập 1 và kết luận vấn đề. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  C:\Users\Personal\Desktop\73153adbd537bc8c0eb187c04d4c7a6b.jpg  - Phạm Văn Đồng (1906 - 2000): Nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn hóa lớn, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Ông tham gia cách mạng từ năm 1925, đã giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm.  **2. Tác phẩm.**  **- Giải thích từ ngữ**  **- Xuất xứ:** *Trích trong bài: Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại, NXB sự thật, Hà Nội,1974)*  Đây là bài diễn văn trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác (1970)  **- Phương thức biểu đạt, kiểu văn bản**  *Phương thức biểu đạt chính:* Nghị luận  *Kiểu văn bản*: Nghị luận chứng minh  **-Vấn đề nghị luận***:* Đức tính giản dị của Bác Hồ  **- Bố cục 2 phần:**  Phần 1: đầu -> tuyệt đẹp: Nhận định về đức tính giản dị của Bác Hồ.  Phần 2: Tiếp -> hết: Những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác Hồ. |

**PHIẾU HỌC TẬP 2: Nhóm 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  **a. Đức tính giản dị của Bác thể hiện như thế nào trong phần 2? Nhận xét về cách viết nghị luận của tác giả? Điều gì làm nên sức thuyết phục ở phần này?** | |
| *- Biểu hiện đức tính giản dị:* |  |
| *- Nghệ thuật lập luận:* |  |
| *- Yếu tố tạo nên sức thuyết phục:* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 3: Nhóm 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:**  **b. Trong phần 3 tác giả nghị luận về biểu hiện nào của đức tính giản dị ở Bác Hồ ? Cách nghị luận có gì khác so với phần (2)? Chỉ ra tác dụng của điều đó?** | |
| *Biểu hiện đức tính giản dị ở Bác Hồ.* |  |
| *Điểm khác biệt trong nghệ thuật lập luận* |  |
| *Tác dụng:* |  |
| **c. Trong phần 4, để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, người viết đã thuyết phục bạn đọc bằng cách nào?**  **Gợi ý:**  *Đức tính giản dị của Bác Hồ thể hiện trong lời nói bài viết - Để làm sáng tỏ sự giản dị trong cách nói và viết của Bác, tác giả đã dẫn những câu nói nào của Bác?*  *Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này?*  *Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, vì sao?*  *Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này?* | |

**PHIẾU HỌC TẬP 4: Nhóm 3.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 2.**  a. Nhận xét về nghệ thuật nghị luận của tác giả (cách nêu lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ luận điểm).  b. Nhận xét thái độ tình cảm của tác giả đối với Bác Hồ.  c. Qua văn bản tác giả muốn nhắn nhủ gì đến với bạn đọc | |
| Nghệ thuật nghị luận |  |
| Thái độ tình cảm của tác giả |  |
| Điều tác giả nhắn nhủ đến bạn đọc |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 5: Nhóm 4:**

|  |
| --- |
| **Câu 3.** Kết thúc văn bản, có câu: *“Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng*.”. Theo em, tác giả muốn khẳng định điều gì qua câu kết này.  ………………………………………………..  …………………………………………….. |
| **Câu 4**: Qua văn bản, em hiểu như thế nào là đức tính giản dị? Em sẽ làm gì để rèn luyện đức tính ấy?  ………………………………………………..  …………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT DỘNG CỦA THÀY TRÒ** | **SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vấn đề nghị luận.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS đọc toàn bộ văn bản**  - GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi.  *Vấn đề chính mà của tác giả Phạm Văn Đồng muốn nói đến trong văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” là gì? Quan điểm đó thể hiện ở phần nào của văn bản? Người viết đã làm sáng tỏ quan điểm đó từ những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ cá nhân câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh chia sẻ cá nhân câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV kết luận:** Ngay nhan đề văn bản đã thể hiện rõ vấn đề nghị luận *“Đức tính giản dị của Bác Hồ”* và trong văn bản tác giả đã cụ thể hóa vấn đề *“Điều quan trọng cần phải làm nổi bật sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch”*  Để làm rõ ý kiến đó, tác giả đã làm rõ qua đời sống, sinh hoạt của Bác, sự giản dị trong quan hệ với mọi người giữa đời thường cũng như trong quá trình nói viết.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách nêu vấn đề nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giới thiệu:**  Phép lập luận chủ yếu trong bài là chứng minh, để chứng minh vấn đề một cách thuyết phục tác giả đã đưa ra hệ thống luận cứ đầy đủ với lí lẽ chặt chẽ, những dẫn chứng chính xác, cụ thể, toàn diện, làm sáng tỏ vấn đề. Tìm hiểu điều đó là ta tìm hiểu nghệ thuật chứng minh vấn đề của tác giả.  - GV chiếu đoạn 1 của văn bản (SGK/40  (1) Nêu vai trò của đoạn văn trong văn bản.  (2) Tìm câu văn chứa đựng thông tin chính và cho biết vị trí của câu văn đó.  (3) Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả và tác dụng.  (4) Đoạn văn cho em những nhận thức tình cảm nào về Bác kính yêu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc và suy nghĩ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh chia sẻ cá nhân câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** *Nhận xét thái độ* và kết quả làm việc chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của của bản thân và bạn.  *- GV kết luận và chuyển ý*: Trong phần đặt vấn đề tác giả nêu ra sự tương phản nhưng thống nhất giữa đời sống chính trị và đời sống bình thường của Bác. Từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của đức tính giản dị, đặt nó trong mối quan hệ giữa cuộc đời hoạt động chính trị và đời sống hàng ngày để chỉ ra sự thống nhất. Đó là một khám phá lớn qua nhiều năm sống gắn bó với Bác của Phạm Văn Đồng gợi cho người đọc ấn tượng về nét đẹp phẩm chất của lãnh tụ Hồ Chí Minh.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hệ thống lí lẽ, dẫn chứng làm rõ đức tính giản dị của Bác Hồ.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chiếu Phiếu học tập 2 câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật công đoạn và khăn trải bàn:  ***Cách thực hiện****:*  *+ Chia lớp thành các nhóm học tập, mỗi nhóm 4 học sinh, ngồi tương ứng vị trí bốn ô vuông. Mỗi học sinh sẽ viết ý kiến cá nhân vào cạnh khăn sau đó sẽ thống nhất ý kiến vào phần ô giữa:*  *+ Nhóm 1. Thực hiện với câu hỏi 1 a (Phiếu học tập 1)*  *+ Nhóm 2: Thực hiện với câu hỏi 1b,1 c (Phiếu học tập 2)*  *+ Nhóm 3: Thực hiện câu hỏi 2 (Phiếu học tập 3)*  *+ Nhóm 4: Thực hiện câu hỏi 3, 4(Phiếu học tập 4)*  *+ Các nhóm còn lại: Tùy chọn thảo luận một câu hỏi.*  Một số kĩ thuật dạy học tích cực ở tiểu học - Top Tài Liệu ...  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ suy nghĩ độc lập rồi chia sẻ với nhóm, các thành viên thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả học tập theo công đoạn, HS báo cáo đến đâu GV cho học sinh bổ sung, GV chiếu định hướng trả lời và góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV cho HS đánh giá phần trả lời của các nhóm  - GV phân tích- chiếu từng ý trên máy và phân tích thêm :  *+**Bằng sự hiểu biết của mình, tác giả trân trọng và ca ngợi đức tính giản dị của Bác, đó cũng là phẩm chất cao đẹp của Người. Tác giả nói về những điều cao đẹp, vĩ đại bằng những ngôn từ giản dị và dễ hiểu đúng như những điều tác giả học được trong những năm tháng được sống cùng Bác.*  *+ Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, để mọi người dễ hiểu. Vì muốn cho quần chúng hiểu được, nhớ được, làm được.*  *Khi lập luận tác giả cũng sử dụng các câu nói giản dị nổi tiếng ấy của Bác là để:*  + Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người.  + Mỗi lời nói câu viết của Bác đã trở thành chân lí giản dị mà sâu sắc  + Câu nói“Tôi nói… không?” là lời bình luận của tác giả đã đề cao sức mạnh phi thường của lối sống giản dị và sâu sắc của Bác. Đó là sức mạnh khơi dậy, lòng yêu nước.  -> Từ đó khẳng định tài năng có thể viết thật giản dị về những điều lớn lao của Bác. Có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người.  -> Lời Bác đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân  *Cách lập luận chặt chẽ:* Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng chứng minh -> Giải thích, bình luận -> khái quát lại vấn đề | **II. ĐỌC, HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**  **1. Vấn đề nghị luận**  - Thể hiện qua nhan đề văn bản “*Đức tính giản dị của Bác Hồ*”  - Và cụ thể hơn là vấn đề “*Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường giản dị và vô cùng khiêm tốn”*  - Người viết đã làm sáng tỏ quan điểm đó từ những phương diện:  + Sự giản dị trong đời sống (ăn, mặc, làm việc và sinh hoạt hàng ngày.  + Giản dị trong quan hệ với mọi người.  + Giản dị trong lời nói, bài viết  **2. Triển khai vấn đề nghị luận**  **a. Phần 1:**  **Nêu vấn đề nghị luận.**  **-** Đoạn mở đầu văn bản trực tiếp nêu vấn đề nghị luận.  - Câu chứa đựng thông tin chính là câu 1: *Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.*  -> Gợi cho em niềm kính trọng biết ơn Bác.  **b. Phần 2:**  **\* Nội dung: *Chứng minh đức tính giản dị trong đời sống và trong quan hệ với mọi người của Bác Hồ***  **\* Nghệ thuật lập luận**:  *- Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng:* Sau khi nêu lí lẽ, Bác đưa dẫn chứng khẳng định, khái quát ký mình đang chứng minh.  **- Lí lẽ:** Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị (Giản dị trong tác phong sinh hoạt và giản dị trong sinh hoạt với mọi người)  **- Dẫn chứng:**  *+ Bữa cơm của Bác:*  *+ Cái nhà nơi Bác ở:* *Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng*  + *Bác suốt đời ....... nhà tập thể của công nhân từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn.*  + *Trong đời .....ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.*  *-* Bình luận ý nghĩa sâu xa về sự giản dị trong bữa ăn của Bác *“Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng cảm thấy Bác quý trọng viết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ.”*  - **Nhận xét, đánh giá, bình luận:**  + *Với Bác* *bữa cơm vài ba món, ăn không để vãi hạt nào.*  *+ Và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao!*  *+ Việc gì tự làm được sẽ không nhờ người khác*.  **- Yếu tố tạo nên sức thuyết phục trong đoạn 2:**  + Bằng chứng, lí lẽ cụ thể, rõ ràng, phong phú và sinh động.  -> Đã thuyết phục được người đọc về lối sống giản dị của Bác Hồ, làm sáng tỏ được mục đích nghị luận.  **c. Phần 3: *Bằng lí lẽ để khẳng định đời sống vật chất giản dị hòa với đời sống tâm hồn phong phú của Bác:***  - Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy bởi vì Người sống sôi nổi, đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân.  -> Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay*.*  **Phần 4*: Nhấn mạnh thêm sự nhất quán trong đức tính giản dị của Bác qua sự kết hợp lí lẽ và dẫn chứng:***  ***- Lí lẽ:*** Giản dị trong đời sống trong quan hệ với mọi người, trong tác phong. Hồ Chủ tịch cũng giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.  *->Khẳng định sự giản dị trong cách nói, viết của Bác.*  ***- Dẫn chứng*** cụ thể, những câu nói nổi tiếng của Bác để làm cơ sở cho lí lẽ đã nêu: Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị:  “*Không có gì quý hơn, độc lập, tự do!”,* “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không bao giờ thay đổi*”  *-> Qua đó muốn khẳng định khẳng định lời nói bài viết của Bác, thường ngắn gọn, dễ hiểu.*  ***- Đánh giá, bàn luận:*** Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  ->*Lời bình luận này của tác giả đã đề cao sức mạnh phi thường của những chân lí mà Bác nêu ra dưới hình thức những câu nói tự nhiên, mộc mạc, giản dị và sâu sắc. Lời Bác đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và biểu đạt bằng sơ đồ tư duy  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**:  + Luận cứ toàn diện  + Dẫn chứng phong phú, cụ thể, xác thực  + Có dẫn chứng cụ thể, lí lẽ bình luận sâu sắc, có sức thuyết phục.  +Lập luận theo trình tự hợp lí.  **2. Nội dung:**  + Chứng minh đức tính giản dị của Bác Hồ, hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, tư tưởng tình cảm cao đẹp. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố nhận thức của học sinh về Bác Hồ kính yêu.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết thơ ca nói về sự giản dị của Bác trong phong cách sinh hoạt

**c. Sản phẩm**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC TRÒ CHƠI “THỬ TÀI HIỂU BIẾT”**

**Nhiệm vụ:** **Đọc những câu thơ (văn) câu hát mà em biết minh chứng cho những từ khóa liên quan đến Bác Hồ và đức tính giản dị của Người.**

**Luật chơi:**

+ Giáo viên chuẩn bị câu hỏi, mỗi mảnh ghép là một từ khóa về đức tính giản dị của Bác Hồ.

+ GV lập hai đội chơi, mỗi đội 5 học sinh, một học sinh quản trò điều hành việc lựa chọn mảnh ghép, đọc từ khóa khi mảnh ghép lật ra và phần trả lời của các đội chơi**.**

**+** Người quản trò điều hành các đội lựa chọn mảnh ghép (đội 1 câu lẻ, đội 2 câu chẵn) và đọc thơ ca tường minh cho nội dung của từ khóa về đức tính giản dị của Bác. Đội được gọi trả lời nếu trả lời đúng thì được 10 điểm không có câu trả lời hoặc câu trả lời không thuyết phục thì quyền trả lời sẽ thuộc đội còn lại. Trường hợp đội trả lời trước trả lời đúng nhưng đội sau vẫn có phương án trả lời khác thì tiếp tục đưa ra tín hiệu để trả lời và được thưởng điểm. Cả hai đội không có phương án trả lời thì nhờ trợ giúp của các bạn bên dưới.

+ Đội chiến thắng là đội được nhiều điểm hơn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mảnh ghép** | **Từ khóa** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Mảnh ghép 1** | **Ngoại hình** | *Bác chúng em dáng cao cao, người thanh thanh*  *Bác chúng em mắt như sao râu hơi dài*  *Bác chúng em nước da nâu vì sương gió.*  *(“Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”-* Phong Nhã*)* |
| **Mảnh ghép 2** | **Bữa ăn** | *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng*  (Nguyễn Ái Quốc) |
| **Mảnh ghép 3** | **Nơi ở** | *Anh dắt em vào cõi Bác xưa*  *Đường Xoài, hoa trắng nắng đung đưa*  *Có hồ nước lặng sôi tăm cá*  *Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa*  (Tố Hữu)  *Nhà Bác đơn sơ, một góc vườn*  *Gỗ thường, mộc mạc chẳng mùi sơn*  *Giường mây, chiếu cói đơn chăn gối*  *Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.*  (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 4** | **Nơi làm việc** | *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.*  *(Nguyễn Ái Quốc)* |
| **Mảnh ghép 5** | **Đôi dép** | *Đôi dép cao su đôi dép Bác Hồ, Bác đi từ thuở chiến khu Bác về. Phố phường, trận địa, nhà máy đồng quê, đều in dấu dép Bác về Bác ơi.*  (“*Đôi dép Bác Hồ*”- Thuận Yến) |
| **Mảnh ghép 6** | **Câu nói nổi tiếng** | *“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”*  *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*  *“Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”.*  (Hồ Chí Minh) |
| **Mảnh ghép 7** | **Trang phục áo quần** | *“Bác Hồ đó chiếc áo nâu giản dị*  *Màu quê hương bền bỉ đậm đà”*  (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 8** | **Tư thế, tác phong** | *Bác Hồ đó làm lòng ta yên tĩnh*  *Ôi người cha đôi mắt mẹ hiền sao*  *Giọng của người không phải sấm trên cao*  *Thấm từng tiếng vào lòng bao mơ ước*  (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 9** | **Tình cảm của Bác Hồ** | a.  *Bác thương các cụ già xuân về đem biêú lụa*  *Bác thương đàn cháu nhỏ trung thu về cho quà*  (*“Bác Hồ một tình yêu bao la” Thuận Yến*)  b.  *Bác sống như trời đất của ta*  *Yêu từng ngọn lúa mỗi nhành hoa*  *Tự do cho mỗi đời nô lệ*  *Sữa để em thơ, lụa tặng già*  (Tố Hữu)  c.  *Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta*  *Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa*  *Tự do cho mỗi đời nô lệ*  *Sữa để em thơ, luạ tặng già*.  (Tố Hữu) |
| **Mảnh ghép 10** | **Bác Hồ trong lòng dân tộc** | *Người là cha, là Bác, là anh*  *Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.*  *(Tố Hữu)* |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh biết vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản mới tương đương.

**b. Nội dung**: Học sinh làm bài tập theo cá nhân.

**c. Sản phẩm**: Bài tập đã hoàn thiện

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trò chơi “Ai hiểu biết”**  **Bài 1***:* Bản thân em học được điều gì qua đức tính giản dị của Bác Hồ?  **Yêu cầu**: HS thực hiện theo hình thức trò chơi “**Ai hiểu biết**”  + Cách thực hiện: Trong 3 phút, ai liệt kê được nhiều nhất những bài học rút ra từ đức tính giản dị của Bác Hồ sẽ là người chiến thắng.  **Bài 2**: Em học tập được gì từ cách nghị luận của tác giả trong văn bản này?  + Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời cá nhân |   **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh lần lượt thực hiện các bài tập  - Giáo viên: Giáo viên quan sát, động viên học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - Học sinh trình bày và đánh giá lẫn nhau  **Dự kiến sản phẩm:**  - Tạo văn bản nghị luận cần kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận  - Cách chọn dẫn chứng tiêu biểu  - Người viết có thể bày tỏ cảm xúc  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức | **BÀI 1:** Điều học tập từ đức tính giản dị của Bác Hồ  - Ăn mặc giản dị phù hợp hoàn cảnh gđ  - Luôn gần gũi, cởi mở, chân thành với mọi người.  - Học tập, rèn luyện, noi theo tấm gương Bác Hồ.  **Bài 2.**  + Có dẫn chứng cụ thể, lí lẽ bình luận sâu sắc, có sức thuyết phục.  + Lập luận theo trình tự hợp lí. |

**\* Giao bài, hướng đẫn học bài, làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

**Hướng dẫn học:  
-** Nắm vững hệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng của người viết

- Làm bài tập: Đọc văn bản nghị luận sau và tìm ra hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong văn bản.

**Hướng dẫn chuẩn bị bài:** Thực hành Tiếng Việt

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Ngày soạn***  26/02/2024 | ***Tiết PPCT*** | ***Lớp*** | ***Ngày dạy*** | ***Tiết*** |
| 101 | 7D | 11/3/2024 | 4 |

**TIẾT 101: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**LIÊN KẾT VÀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức.**

+ Tri thức được kiến thức về tính mạch lạc, liên kết trong văn bản.

+ Biết và hiểu được tác dụng của tính mạch lạc và liên kết khi tạo lập văn bản.

- Xác định được vị ngữ

- Nhận biết các cụm động từ có phần bổ ngữ là cụm chủ vị

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có cụm động từ mở rộng vị ngữ

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**\* Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính. Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

**2. Học sinh:**

- SGK, giấy a4.

**III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

- Phương pháp: Phát vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo dự án…

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ:**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THÀY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 2 nhóm tham gia trò chơi: ***Ai nhanh hơn?***  Em hãy phát hiện một số lỗi trong đoạn văn sau:  “ (1)Tôi nhớ đến mẹ tôi “lúc người còn sống tôi lên mười”. (2) Mẹ tôi âu yếm dắt tay tôi đi trên con đường dài và hẹp. (3) Sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. (4) Chiều nay, mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con trai lớn của bác gác cổng.”  “Năm nay tôi bị ở lại lớp.(1) Mẹ đã khóc.(2)”  Nhóm nào phát hiện đúng nhiều lỗi nhất sẽ chiến thắng.  ( 2 Bảng phụ ghi các lỗi)  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày trên bảng phụ  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học:  *Đó là các lỗi thuộc về tính liên kết và mạch lạc trong văn bản. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu sâu hơn về nội dung kiến thức đó và cụm động từ.* | - HS tìm ra một số lỗi về tính liên kết và mạch lạc trong đoạn văn. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được thế nào là *liên kết và mạch lạc trong văn bản*.

*-* Sử dụng *liên kết và mạch lạc trong văn bản* khi nói và viết

**b. Nội dung**: Giáo viên cho HS tìm hiểu tri thức ngữ văn

Học sinh thực hành làm bài tập SGK

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THÀY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi:  (1)Thế nào là liên kết trong văn bản? Cho ví dụ.  (2) Mạch lạc là gì? Một văn bản có tính mạch lạc khi nào?  (3) Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa liên kết và mạch lạc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân yêu cầu của câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời và bổ sung cho nhau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá phần trả lời của HS.  - Phân tích lưu ý cho HS thêm về mạch lạc và liên kết câu. | **I. Kiến thức Ngữ văn**  **1. Liên kết** là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp  2- **Mạch lạc** là sự thống nhất về chủ đề và tính lô gich của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp sếp theo một trình tự hợp lí. |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn thực hành về tính mạch lạc của văn bản qua bài tập 1/42 SGK**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu trên máy yêu cầu của bài tập 1/42 SGK**  **GV yêu cầu HS thực hiện vụ học tập làm bài tập theo nhóm kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn:**  GV chia lớp thành các nhóm - mỗi nhóm 4- 6 học sinh cùng thực hiện yêu cầu của bài tập dựa trên cơ sở các gợi ý:  **Gợi ý:**  *+ Nêu chủ đề chung văn bản*  *+ Chứng minh các câu văn đều hướng đến chủ đề chung của văn bản*  *+ Chứng minh các phần các đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân, nhóm suy nghĩ, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên  + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (3’)- cá nhân học sinh tự viết câu trả lời ra phần mép khăn  + Bước 2: Chia sẻ với nhóm: (3’)- các nhóm thảo luận ghi ý kiến chung vào giữa khăn  + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV chiếu trên máy yêu cầu trả lời phiếu học tập 1  - HS tự bổ sung chuẩn xác. GV phân tích cho học sinh hiểu rõ hơn về tính mạch lạc của văn bản.  phân tích cho học sinh rõ:  **Nhiệm vụ 2: Phân tích tính liên kết của văn bản**  **BÀI 2. (SGK/ tr 42, 43**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV ***chiếu nội dung đoạn văn bản*** và yêu cầu học sinh thực hiện chia sẻ cặp nhóm đôi theo yêu cầu bài tập 2/ SGK  trang 42,43.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh đọc ngữ liệu  SGK/ 40+ 41 và thực hiện thảo luận nhóm theo cặp đôi yêu cầu của bài tập.  - GV quan sát, góp ý, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện cặp đôi trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật công đoạn.  + Cặp đôi 1: trình bày nội dung phần a  + Cặp đôi 2: Trình bày nội dung phần b  + Các nhóm khác bổ sung  - HSkhác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chiếu đáp án  GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS  **Bài 3: Tìm cụm chủ vị là cụm động từ (SGK/ tr 43)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả của nhóm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Bài 1:** Tìm hiểu tính mạch lạc của văn bản “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”.  **Chủ đề văn bản:** Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.  - Các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về chủ đề “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”  **Phần 1:** Nêu chủ đề bàn luận: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước:  + Khẳng định: tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta, nó có sức mạnh lớn lao trong kháng chiến chống  + Chỉ ra khái quát truyền thống đó được thể hiện qua suốt chiều dài lịch sử mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.  **Phần 2: (Đoạn 2,3):** Chứng minh cụ thể tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử.  **+ Đoạn 2:** Chứng minh tinh thần yêu nước trong quá khứ với với bằng chứng hùng hồn là các cuộc kháng chiến vĩ đại gắn với tên tuổi của những vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung….  **+ Đoạn 3**: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được đề cập và chứng minh qua lịch sưt hiện đại với bằng chứng là sự hết lòng tham gia ủng hộ kháng chiến của đông đảo các tầng lớp đồng bào ở trong và người nước bằng những hoạt động, những củ chỉ tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.  **+ Đoạn 4 (Phần cuối):** Vẫn nói về tinh thần yêu nước của nhân dân ta:  + ***Tác giả khẳng định về hai mặt bộc lộ của lòng yêu nước*** *(đây là* *các thứ của quý* nhưng chưa được bộc lộ, chưa được khai thác hết “*Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thất. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm”)*  ***+ Kêu gọi mọi người hành động, phát huy tinh thần ấy*-** bổn phận của mỗi người chúng ta là phải làm cho chúng được bộc lộ và *thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến*.  ***Các phần, các đoạn, các câu văn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí***  **+ Đoạn 1**: Nêu khái quát truyền thống yêu nước của nhân dân ta  **+ Phần 2 (Đoạn 2, 3):** Làm rõ ý khái quát đã nêu ở đoạn 1 bằng cách chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử (từ xưa đến nay)  **+ Phần cuối**: Khẳng định giá trị quý báu của truyền thống yêu nước và xác định trách nhiệm của Đảng trong biệt phát huy lòng yêu nước ở mỗi người công dân với tổ quốc.  **BÀI 2. (SGK/ tr 42, 43)** Phân tích tính liên kết của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh)  *a) Các biện pháp liên kết và những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết các câu trong đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai của văn bản là:*   |  |  | | --- | --- | | **Cách liên kết** | **Phương tiện liên kết** | | Phép lặp từ ngữ | *tinh thần yêu nước; chúng ta; ta; lòng nồng nàn yêu nước*. | | Phép thế | *lòng nồng nàn yêu nước - đó; yêu nước - ấy, nó* | | Phép nối | các từ ngữ nối như từ…đến; tuy…nhưng; những; |   **b. Những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản:**  - *Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.*  *- Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.*  *- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.*  **Bài 3/43: Tìm cụm chủ vị là cụm động từ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** | | càng | ***thấy*** | ***Bác quý … vụ.*** | | Chớ | ***hiểu lầm*** | ***Bác sống … ẩn dật*** | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn có tính mạch lạc và biện pháp liên kết

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng vào viết ngắn ở bài tập 4:**  **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi SGK trang 43, hoàn thành nhanh bài tập 4:  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  GV có thể gợi ý HS cụ thể:  + *Chon các văn bản nghị luận như : “tinh thần yêu nước của nhân dân ta”, “Đức tính giản dị của Bác Hồ:......*  *+ Đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp*  *+ Câu chủ đề của đoạn văn*  *+ Đoạn văn: nêu cảm nghĩ*  *+ Số dòng :8 – 10 dòng*  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  +Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.  GV:  Sửa chữa, đánh giá và chốt kiến thức | **Bài tập 4:**  Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 8 – 10 dòng; đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học  - Đoạn văn : có tính mạch lạc và phép liên kết,yêu cầu chỉ rõ |

**ĐOẠN 1**: **Đoạn văn cảm nghĩ về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”**

“*Đức tính giản dị của Bác Hồ”* là một văn bản nghị luận đặc sắc đã cho ta hiểu và ngưỡng mộ đức tính giản dị của Hồ Chí Minh- vị cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc. Từ sự hiểu biết, tình cảm kính yêu chân thành của người cộng sự gần gũi với Bác Hồ, tác giả Phạm Văn Đồng đã cho thấy Người luôn là một hình mẫu về sự giản dị, khiêm tốn. Đọc văn bản ta thấy với lập luận chặt chẽ, hệ thống lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục cùng lối viết chân thành tác giả đã thuyết phục được người đọc, người nghe về biểu hiện đa dạng đức tính giản dị của Bác thể hiện trong mọi mặt của đời sống, sinh hoạt thường ngày. Từ bữa cơm chỉ có vài ba món đơn giản, nơi ở của vị Chủ tịch chỉ là nhà sàn đơn sơ mộc mạc với vài phòng để họp, tiếp khách, nghỉ ngơi. Đâu chỉ thế sự giản dị của Người còn thể hiện trong lời nói “*Không có gì quý hơn độc lập tự do!”, “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”,* trong bài viết của Người *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không hề thay đổi*”. Sau những dẫn chứng, trước khi kết thúc luận cứ tác giả còn đưa ra những lời bình luận xác đáng về đức tính giản dị của Bác Hồ cho ta hiểu rằng sự giản dị của Bác không phải là lối sống khắc khổ của những nhà nho xưa mà là biểu hiện sự phong phú trong đời sống vật chất, tinh thần, tâm hồn tình cảm của Bác như Tố Hữu từng khẳng định “*Mong manh áo vải hồn muôn trượng/Hơn tượng đồng soi những lối mòn*”. Người là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và noi theo. Là học sinh em sẽ cố gắng rèn luyện theo những phẩm chất quý báu ấy để sau này trở thành con người có ích trong gia đình và xã hội.

**ĐOẠN 2:** Cảm nghĩ về văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”

“*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” là đoạn trích trong văn kiện Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam họp tại Việt Bắc tháng 2 năm 1951, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp là một đoạn văn nghị luận chứng minh tiêu biểu cho bạn đọc thấu hiểu truyền thống yêu nước cao đẹp của dân tộc. Bằng lập luận chặt chẽ, đanh thép, lối viết với lí lẽ sắc bén, dẫn chứng cụ thể sau khi nêu vấn đề tác giả đã tập trung nhấn mạnh và biểu dương những biểu hiện của tinh thần yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc. Để rồi từ những dẫn chứng cụ thể về tinh thần yêu nước trong quá khứ đến hiện tại, những hình ảnh so sánh gợi cảm, lối liệt kê theo mô hình “*từ... đến*” Bác đã chứng minh một cách thuyết phục tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Cho chúng ta hiểu rằng truyền thống yêu nước quý báu của người Việt Nam có khi là tiềm tàng tiềm ẩn nhưng có khi bộc lộ mạnh mẽ. Mọi người Việt Nam không phân biệt tuổi tác, giới tính, ngành nghề vùng miền đều hết lòng phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Và trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt việc phát huy truyền thống yêu nước ấy là vô cùng cần thiết. Tìm hiểu văn bản em càng thêm kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh- vị cha già của dân tộc Việt Nam và nhận thấy trách nhiệm của thế hệ mình trong việc phát huy và giữ gìn truyền thống yêu nước của ông cha.

**\*Rubric**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức đoạn văn |  |  |
| Xác định chủ đề đoạn văn |  |  |
| Nội dung các câu văn tập trung chủ đề của đoạn |  |  |
| Cảm nghĩ sâu sắc |  |  |
| Có liên hệ mở rộng khi viết cảm nghĩ |  |  |
| Sử dụng các phép liên kết |  |  |
| Chữ viết đúng chính tả |  |  |
| Lập luận chặt chẽ |  |  |
| Sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt. |  |  |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

Nhiệm vụ 1:HS làm việc nhóm, lập bảng hệ thống hoá các văn bản đã học từ ở nhà bài 6,7

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Ngày soạn***  26/02/2024 | ***Tiết PPCT*** | ***Lớp*** | ***Ngày dạy*** | ***Tiết*** |
| 97 | 7D | 11/03/2024 | 5 |
| 98 | 16/03/2024 | 1,2 |

**BÀI 8: VĂN NGHỊ LUẬN**

**Tiết 102,103,104:VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

***1. Về kiến thức:***

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

***2. Về năng lực:***

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.

- Người viết có thái độ rõ ràng về một vấn đề

- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Giáo án; Phiếu học tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- Đọc SGK, lập dàn ý và Tập nói ở nhà theo hướng dẫn của SGK

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

*a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

*b) Nội dung:* HS nhớ lại kiến thức về văn nghị luận đã học ở lớp 6

*c) Sản phẩm:* Phần chia sẻ của HS

*d) Tổ chức hoạt động:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV đặt câu hỏi: Bài văn nghị luận xã hội cần phải có những yếu tố nào?  Application  Description automatically generated  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  Text  Description automatically generated with low confidence  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài. | HS Nghe, trình bày. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***a) Mục tiêu:***

*-* Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở hoạt động khởi động.

- HS hiểu được thế nào là viết bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống, nêu ra được ví dụ, các yêu cầu đối với kiểu bài văn này.

***b) Nội dung:*** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***c) Sản phẩm:*** Phần trả lời của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. ĐỊNH HƯỚNG** | | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - HS đọc thêm phần Định hướng, trả lời câu hỏi  *+ Thế nào là nghị luận về một vấn đề của đời sống?*  *+ Nêu ít nhất hai ví dụ về vấn đề của đời sống mà chúng ta cần quan tâm?*  *+ Những lưu ý khi biết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?*  *+* | **- Nghị luận về một vấn đề trong đời sống: Là trình bày ý kiến của mình(tán thành hay phản đối) về vấn đề nào đó trong đời sống bằng cách đưa ra lí lẽ rõ ràng, kết hợp với bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe.**  **- Vấn đề cần quan tâm như: Thế nào là yêu nước; Thế nào là lối sống giản dị....** |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS đọc SGK, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Báo cáo thảo luận** | - Trả lời miệng, cá nhân  - Dự kiến sản phẩm: |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a. Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, nêu ra được ví dụ, các yêu cầu đối với kiểu bài văn này.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Định hướng** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS đọc thêm phần Định hướng, trả lời các câu hỏi:  *+ Thế nào là bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống?*  *+ Nêu ví dụ thêm về các hiện tượng đời sống mà chúng ta cần quan tâm.*  *+ Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần làm gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, dẫn vào bài học. | **I. Định hướng**  a) Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  b) Dưới đây là một số ví dụ về vấn đề trong đời sống cần quan tâm:  - **Thế nào là yêu nước; Thế nào là lối sống giản dị....**    c) Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần: nêu ý kiến của minh, giải thích vì sao, đưa ra các lí lẽ và bằng chứng. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành**

a. Mục tiêu: Nắm được các bước viết bài văn về một hiện tượng đời sống thông qua phần thực hành đề bài: *Thế nào là lối sống giản dị*

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | | | **Sản phẩm** |
| 1. **Thực hành** 2. **Chuẩn bị** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS thực hiện ở nhà phần Chuẩn bị bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 1.  + Nhóm 1: Thế nào là giản dị?  + Tính giản dị được biểu hiện qua những phương diện nào?  + Nhóm 2: Tại sao cần sống giản dị?  + Nhóm 3: Em biết những tấm gương nào về lối sống giản dị trong thực tế, sách báo.  + Nhóm 4: Em có suy nghĩ như thê nào về việc rèn luyện cho mình lối sống giản dị  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân ở nhà và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | - | |
| 1. **Tìm ý và lập dàn ý** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Kết hợp với phần chuẩn bị ở mục (1) để trả lời các câu hỏi tìm ý (làm việc cả lớp).  - Dựa vào các ý đã tìm được, HS xây dựng dàn ý cho bài viết (làm việc cá nhân).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | **\* Tìm ý:**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  Thế nào là giản dị?  + Tính giản dị được biểu hiện qua những phương diện nào?  + Nhóm 2: Tại sao cần sống giản dị?  + Nhóm 3: Em biết những tấm gương nào về lối sống giản dị trong thực tế, sách báo.  + Nhóm 4: Em có suy nghĩ như thê nào về việc rèn luyện cho mình lối sống giản dị  **\* Lập dàn ý:**  + Mở bài: Dẫn dắt vấn đề nghị luận  + Thân bài:  - Khái niệm về lối sống giản dị  Nêu biểu hiện về lối sống giản dị( ăn, mặc, ở, lới nói, viết...)  - Phân tích ý nghĩa của lối sống giản dị  - Nêu 1 số tấm gương chứng minh  - Liên hệ với bản thân.  + Kết bài: Khẳng đinh vai trò, ý nghĩa của lối sống giản dị; nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | | |
| 1. **Viết bài** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Dựa vào dàn ý đã lập, HS viết từng đoạn của dàn bài (làm việc cá nhân)-> ghép thành bài văn hoàn chỉnh  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. |  | | |
| 1. **Kiểm tra và chỉnh sửa** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Dựa vào dàn ý đã lập, HS viết đoạn (làm việc cá nhân).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.  - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết. | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào việc giải quyết một bài tập cụ thể.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS làm đề bài: Viết hoàn chỉnh đề bài trên  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | HS dựa vào kiến thức đã học để lập dàn ý, viết bài. |

* Hướng dẫn về nhà:

GV hướng dẫn HS đọc thêm: các văn bản nghị luận về các vấn đề xã hội + chuẩn bị bài mới Nói và nghe Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống (cho HS tải video lên padlet hoặc flipgrib để HS comment bài viết của các bạn).

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào?

2. Lợi ích của vật nuôi là gì?

*Lưu ý: HS có thể sử dụng internet để thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,…và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thể loại | Tên văn bản | Nội dung chính |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*